ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83 /2026/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực: sở hữu trí tuệ, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 100/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP của Chính phủ; số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; số 101/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; số 260/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 38/2026/TT-BKHCN quy định tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; số 40/2026/TT-BKHCN ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác

nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3122/TTr-SKHCN ngày 12/10/2026 (sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 489/BC-STP ngày 18/9/2026); ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh qua Phiếu biểu quyết;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực: sở hữu trí tuệ, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực: sở hữu trí tuệ, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện các nội dung được phân cấp.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thẩm quyền quyết định một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực: sở hữu trí tuệ, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ, phó bản văn bằng bảo hộ theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

2. Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 25 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

3. Chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 26 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

4. Xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58, Điều 59 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

5. Cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 59a Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 29 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

6. Ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 61

Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 30 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

7. Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, thành lập Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

a) Việc tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp định kỳ 02 năm/lần. Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp phải được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Kết quả kiểm tra được Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho người dự kiểm tra. Người dự kiểm tra có quyền yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ phúc tra kết quả kiểm tra.

c) Kết quả kiểm tra của cá nhân đáp ứng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ có giá trị trong thời hạn 05 năm (kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra) cho việc đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

d) Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, có nhiệm vụ tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Quy chế kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

8. Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 33 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

9. Ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

10. Ghi nhận và xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 65 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

11. Ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

12. Xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 34 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

13. Cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 40 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

14. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 41 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP.

15. Chấp thuận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 29 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15.

16. Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 30 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15.

17. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 62 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

18. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo quy định tại Điều 60, Điều 61, Điều 62 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

19. Tiếp nhận, đánh giá, công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

20. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

21. Tiếp nhận, đánh giá và xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

22. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược quy định tại điểm i khoản 3 Điều 11 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

23. Tiếp nhận, đánh giá và xác nhận đối với Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao; Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 có tổng nguồn vốn dưới 6.000 tỷ đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

24. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận đối với Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao; Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 có tổng nguồn vốn dưới 6.000 tỷ đồng theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 17 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

25. Cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN.

26. Thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công

nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 7 Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN.

27. Tiếp nhận, đánh giá và xác nhận đối với sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN.

28. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN.

29. Cấp, cấp lại, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 40 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

30. Xác nhận bằng văn bản đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong trường hợp tổ chức không thuộc quyền quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 42 và điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

31. Thành lập Hội đồng tư vấn công nhận và Hội đồng tư vấn chấm dứt, hủy bỏ hoặc từ chối chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận hồ sơ đề nghị công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 43 và điểm b khoản 3 Điều 45 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tương ứng với nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại Điều 2 Quyết định này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật. Chủ trì rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền công bố danh mục, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến nội dung phân cấp đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp. Định kỳ, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nội dung được phân cấp và kiến nghị, đề xuất các nội dung liên quan (nếu có) theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định khác có liên quan. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có

thay đổi liên quan đến quy định của pháp luật, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

2. Phần I và số thứ tự 1, 2, 5, 6, từ 9 đến 18 của Phần III thuộc Mục A; Mục B của Phụ lục Danh mục các nhiệm vụ được ủy quyền ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực thi hành khi Quyết định này có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báu Hà